TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A - ĐĂK LĂK** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 31/12/2025.
"V/v: Kiện không công nhận là vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Bùi Hoàng Sơn
2. Ông: Y Prúi Kpă

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Việt Tiệp - Thẩm tra viên - Toà án nhân dân Khu vực A - Đăk Lăk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực A - Đăk Lăk: Ông Phan Đình Toàn -Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại phòng xử án - Toà án nhân dân Khu vực A - Đăk Lăk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 143/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2025, về việc "Kiện không công nhận là vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-DS, ngày 25/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Niê Y H - Sinh năm: 1972; CCCD số : 066072008609; Địa chỉ: Thôn T, xã D, tỉnh Đăk Lăk. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương L - Sinh năm 1975; CCCD số: 027175012279; Địa chỉ: Thôn T, xã D, tỉnh Đăk Lăk. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Niê Y H trình bày:*

Tôi và bà Nguyễn Thị Phương L tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chúng tôi thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Hiện tại không thể chung sống với nhau được nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận tôi và bà Nguyễn Thị Phương L là vợ chồng.

Trong thời gian chung sống với nhau, chúng tôi có 02 con chung là: Niê Kiên Ch - Sinh ngày 07/5/1999 và Niê Như T - Sinh ngày 08/11/2001.

Các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên tôi không có yêu cầu gì về nuôi dưỡng.

Về tải sản chung: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Phương L trình bày:*

Tôi và ông Niê Y H tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong thời gian chung sống tôi và ông Hùng không có hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng cho tôi và ông Niê Y H.

Trong thời gian chung sống với nhau, chúng tôi có 02 con chung là: Niê Kiên Ch - Sinh ngày 07/5/1999 và Niê Như T - Sinh ngày 08/11/2001.

Các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên tôi không có yêu cầu gì về nuôi dưỡng.

Về tải sản chung: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc ông Niê Y H khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng là đúng quy đinh pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53; Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Niê Y H về việc không công nhận là vợ chồng với bà Nguyễn Thị Phương L.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thàng nên không đề cập xem xét về việc nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Cần buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án nhân dân Khu vực A - Đăk Lăk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Phương L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Niê Y H và bà Nguyễn Thị Phương L chung sống với nhau từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống với nhau xảy ra mâu

thuẫn nên ông Niê Y H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông Niê Y H và bà Lan là vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Niê Y H và bà Nguyễn Thị Phương L tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống, ông Niê Y H và bà Lan có 02 con chung nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được coi là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu không công nhận vợ chồng của Ông Niê Y H là phù hợp với Điều 53 Luật hôn nhân và Gia đình, nên cần chấp nhận.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống Ông Niê Y H và Bà Nguyễn Thị Phương L có hai người con chung là Niê Kiên Ch - Sinh ngày 07/5/1999 và Niê Như T - Sinh ngày 08/11/2001.

Các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường, các bên không có yêu cầu gì nên không đề cập xem xét, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Cần buộc ông Niê Y H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Niê Y H. Không công nhận ông Niê Y H và bà Nguyễn Thị Phương L là vợ chồng.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Niê Y H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk, theo biên lai số 002061 ngày 10/10/2025.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Niê Y H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *Viện KSNDKV A - Đăk Lăk;*
- *P. THA DS KV A - Đăk Lăk;*
- *Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;*
- *Lưu hồ sơ, vi tính.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
Đã ký tên, đóng dấu

Nguyễn Thị Bích Thủy